TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1126/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 863/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Trọng H, sinh năm 1981

Địa chỉ: đường Tô Ngọc V, khu phố 1, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.(có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1979 (có mặt)

Thường trú: đường Tô Ngọc V, khu phố 1, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Phạm Trọng H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện kết hôn vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Tam P, quận Thủ Đức. Sau khi lập gia đình ông bà sống chung với gia đình ông H. Theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, từ đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vì bất đồng nên từ tháng 7/2018 ông bà đã ly

thân cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Ông Hn, sinh ngày 28/6/2010 và Phạm Ngọc Thiên T, sinh ngày 28/01/2016. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao hai người con chung cho bà Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Bà xác nhận thời gian kết hôn đúng như ông H trình bày. Theo bà mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2017 nguyên nhân là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Từ tháng 7/2018 bà và hai con chung đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ông bà ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng rất căng thẳng, không còn khả năng hàn gắn, bà xác định tình cảm không còn nhưng vì đạo lý nên bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Ông H, sinh ngày 28/6/2010 và Phạm Ngọc Thiên T, sinh ngày 28/01/2016. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Phạm Trọng H có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án; bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A xác định tình cảm không còn nhưng vì đạo lý nên bà không đồng ý thuận tình ly hôn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc ly hôn nên vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Trọng H và bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 36 ngày 23/3/2009 do Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Trọng H Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là có, cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau và hiện nay các bên vẫn còn mâu thuẫn. Điều đó chứng tỏ ông bà không có khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng dẫn đến bà Ngọc Acùng các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay, mâu thuẫn giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, ông H cương quyết không đoàn tụ với bà Ngọc A; Bà Anh xác định tình cảm không còn nhưng vì đạo lý nên đề nghị Tòa án xét xử ly hôn, bà không đồng ý thuận tình ly hôn, vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của ông H về việc xin ly hôn với bà Ngọc A.

Về con chung: Ông Phạm Trọng H và bà Nguyễn Thị Ngọc A xác định có 02 người con chung tên Ông Hn, sinh ngày 28/6/2010 và Phạm Ngọc Thiên T, sinh ngày 28/01/2016, hiện 02 người con chung đang sống với bà Ngọc A. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Ngọc A, Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại 02 người con chung đang ở với bà Ngọc A, được chăm sóc tốt và được đi học, bà Ngọc Acó đủ khả năng và điều kiện chăm sóc con, mặt khác tại các phiên hòa giải cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt ông H đồng ý giao 02 người con chung cho bà Ngọc Atrực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Ngọc Alà có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Theo đơn xin vắng mặt ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 người con chung, mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà Ngọc A cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Ông H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trọng H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trọng H được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Về con chung: Giao hai người con chung tên Ông H, sinh ngày 28/6/2010 và Phạm Ngọc Thiên T, sinh ngày 28/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Trọng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung, mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng).

Thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10/2018 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phạm Trọng H chưa thi hành, thì hàng tháng ông H còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Ông Phạm Trọng H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (hai trăm ngàn) đồng ông H đã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0022324 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông H phải nộp tiếp là 300.000 (ba trăm ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị Ngọc A không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Phạm Trọng H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.